Giải bài 1 trang 84 vở bài tập Toán lớp 5 tập 2

a. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Km^2	Hm^2	Dam^2	M^2	Dm^2	Cm^2	Mm^2
1km^2	1hm^2 = …dam^2 = …hm^2	1dam^2 = …m^2	1m^2 = …dm^2	1dm^2 = ….cm^2	1cm^2 = …mm^2 = …cm^2	1mm^2
	=….km^2	= … hm	=…. dam^2	= …m^2	= …dm^2	

Chú ý: Khi đo diện tích ruộng đất người ta còn dùng đơn vị héc-ta (ha)

1ha = ……. m^2

b. Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:

Trong bảng đơn vị đo diện tích:

- Đơn vị lớn gấp …… lần đơn vị bé hơn tiếp liền.

- Đơn vị bé bằng …… đơn vị lớn hơn tiếp liền.

Đáp án

Km^2	Hm^2	Dam^2	M^2	Dm^2	Cm^2	Mm^2
1km^2 = 100hm^2	1hm^2 = 100dam^2 =0,01km^2	1dam^2 = 100m^2	1m^2 = 100dm^2 = 0,01hm^2	1dm^2 = 100cm^2 = 0,01dam^2	1cm^2 = 100mm^2 = 0,01m^2	1mm^2 = 0,01cm^2 = 0,01dm^2

Chú ý: Khi đo diện tích ruộng đất người ta còn dùng đơn vị héc-ta (ha)

1ha = 10 000m^2

b. Trong bảng đơn vị đo diện tích:

- Đơn vị lớn gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.

- Đơn vị bé bằng 1/100 đơn vị lớn hơn tiếp liền.

Giải bài 2 vở bài tập Toán lớp 5 tập 2 trang 84

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $1m^2$ = ... dm^2

$1m^2$ = ... cm^2

$1m^2$ = ... mm^2

$1km^2$ = ... ha

$1km^2$ = ... m^2

1ha = ... m^2

b. $1m^2$ = ... dam^2

$1m^2$ = ... hm^2

$1m^2$ = ... km^2

$1m^2$ = ... ha

1ha = ... km^2

9ha = ... km^2

Phương pháp giải:

Trong bảng đơn vị đo diện tích:

- Đơn vị gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.

- Đơn vị bé bằng 1/100 đơn vị lớn hơn tiếp liền

Đáp án

a. $1m^2 = 100\ dm^2$

$1m^2 = 10000\ cm^2$

$1m^2 = 1000000\ mm^2$

$1km^2 = 100\ ha$

$1km^2 = 1000000\ m^2$

$1ha = 10000m^2$

b. $1m^2 = 1/100\ dam^2$

$1m^2 = 1/10000\ hm^2$

$1m^2 = 0{,}000001\ km^2$

$1m^2 = 1/10000ha$

$1ha = 1/100\ km^2$

$9ha = 0{,}09km^2$

Giải bài 3 Toán lớp 5 vở bài tập trang 84 tập 2

Viết thành các số đo diện tích có đơn vị là héc-ta:

a. $81000m^2$ = ...

$254000m^2$ = ...

$3000m^2$ = ...

b. $2km^2$ = ...

4,5km^2 = ...

0,1km^2 = ...

Phương pháp giải:

Áp dụng cách chuyển đổi: 1km^2=100ha;

1ha = 10000m^2

Đáp án

a. 81000m^2 = 8,1ha

254000m^2 = 25,4ha

3000m^2 = 0,3ha

b. 2km^2 = 200ha

4,5km^2 = 450ha

0,1km^2 = 10ha

Giải bài 4 tập 2 vở bài tập Toán lớp 5 trang 84

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a. 2m^2 64dm^2 = ... m^2

b. 7m^2 7dm^2 = ... m^2

c. 505dm^2 = ... m^2

d. 85dm^2 = ... m^2

Phương pháp giải:

Áp dụng cách chuyển đổi: 1dm^2 = 1/100m^2 = 0,01m^2

Đáp án

a. $2m^2\ 64dm^2 = 2,64\ m^2$

b. $7m^2\ 7dm^2 = 7,07\ m^2$

c. $505dm^2 = 5,05\ m^2$

d. $85dm^2 = 0,85\ m^2$